

Applicant: Tran Thi Net
Address : 502/ A76C Nguyen dinh Chieu. Phuong 5
Quan 3 HCM, Vietnam
Husband : Nguyen Duc Phung (DOB: 12/11/40)
Employment: Desk Clerk
1962 - 1966 Brink Hotel, 101 Hai ba Trung
MACV BOQ Hotel
1966 Manager
Phu. Tho Hoa
1968 Drafted into the RVN Army
Rank : Sergeant
As a sergeant he was sent to Ft. Knox, Kentucky 402121
to serve in training
Graduated: 12/12/70

On March 23, 1971 he was killed in action at Kampuchic

I made the above to the best of my knowledge. I now request that my
3 children and I be admitted to the United States through ODP.

Sài gòn, ngày 2-11-1985.

Kính gửi bà: Khúc Minh Thơ

Kính thưa bà:

Đôi dòng tên dưới đây là qua' phụ Ông Thi Nết.

Sinh ngày 20-5-1944 tại Gò Công (VN). Căn cước số 020203162 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21-11-1978. Hiện cư ngụ tại số 502/A76C, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông trong đề đơn này hình như bà có việc như sau:

Chúng tôi hẳn hẳn được biết và đặc kỳ những trường hợp do quý cơ quan ORDERLY DEPARTURE PROGRAM thực hiện giúp đỡ với tư cách trên đảo đối với những người Việt Nam hiện còn ở tại đất nước chúng tôi.

Thưa bà: Trường hợp chồng tôi tên Nguyễn Đức Hùng.

Sinh ngày 11-12-1940 tại Bà Nôi (BV) trước kia chồng tôi đã phục cho các cơ quan quân sự Hoa Kỳ, đơn trú tại Sài gòn từ năm 1962 đến 1968 các cơ quan như sau:

DEPARTMENT OF THE ARMY.

HEAD QUARTER ARE COMMAND.

HOUSING MANAGEMENT DIVISION.

SAU - FRANCISCO APO 96243 USA.

POSITION 1962 - 1966 DESK CLERK AT BRINK BOO HOTEL 101 Hai Bà Trưng STREET và MAC CATHY BOO HOTEL. Đến năm 1966 - 1968 làm MANAGER DESK CLERK vùng Phú Quốc (VN)

Tháng 5 - 1968 chồng tôi phải nhập ngũ vào quân đội Việt Nam cộng hòa tại KBC 3997 chức vụ trung sĩ.

20-10-1970 trước đi du học tại Hoa Kỳ FORT KNOX KENTUCKY 402121 (SERVICE TRAINING USA)

Mẫu khoa 12-12-1970.

Ngày 23-3-1971 bị bức trên tại Campuchia.

Trường hợp của tôi nêu trên hoàn toàn đúng sự thật.

Nay tôi làm đơn này kính xin bà giúp đỡ và chấp thuận cho gia đình tôi được lập thủ tục ra đi trong trật tự theo chương trình O.D.P.

Gia đình tôi gồm 4 người:

- 1/ Ông Chi Nét, sinh ngày 20-5-1944 tại Gò Công.
- 2/ Nguyễn Đức Minh sinh ngày 16-7-1964 tại Sài Gòn (con trai)
- 3/ Nguyễn Nguyệt Hằng sinh ngày 25-7-1968 tại Sài Gòn (con gái)
- 4/ Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 9-7-1967 tại Sài Gòn (con trai)

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của bà xin bà hồi báo cho chúng tôi được yên tâm. Ông thi' gia chúng tôi xin cảm tạ bà.

Kính thư

Nét
Ông Chi Nét

Đính kèm theo

1 bản hôn thú.

1 giấy khai tử.

TB: Chưa bà: Ông trước ngày 20-10 chúng tôi có đính kèm theo
01 giấy khai tử, 01 hôn thú.

(4)

Applicant: TRẦN THỊ NÉT
Address: 502/A76C Nguyễn Đình Chiểu, F.5
Quận 3, HCM-VN.
Husband: Nguyễn Đức Phùng (DOB: 12-11-1940)
Employment: Clerk
1962-1966 Brink Hotel, 101 Hai Bà Trưng
MACV BOQ Hotel
1966 Manager
Phủ Thủ Khoa
1968 ~~Joined~~ Drafted into the RVN Army
Rank: ~~as a~~ Sergeant.
As a sergeant he was sent to Ft Knox
Ky 402121 to Service Training.
Graduated: 12-12-1970

on March 23, 1971 He was killed in Action
at Kampuchea

I made
The above to the best of my knowledge.
I now request that my ⁽³⁾ children & I be
admitted to the US. through ODP.

Sài gòn, ngày 2-11-1985.

Kính gửi bà: Khúc Minh Thở

Kính thưa bà:

Đời sống tên dưới đây là qua' phu Trần Thị Nết.

Sinh ngày 20-5-1944 tại Gò Công (VN). Căn cước số 020203162 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21-11-1978. Hiện cư ngụ tại số 502/476C, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trần trong đề đơn này hình trình bà 01 việc như sau:

Chúng tôi hân hạnh được biết và đọc kỹ những tường hợp do quý cơ quan ORDERLY DEPARTURE PROGRAM thực hiện giúp đỡ với tư cách rên đạo đối với những người Việt Nam hiện còn ở tại đất nước chúng tôi.

Chưa bà: Trưởng hợp chồng tôi tên Nguyễn Đức Hùng.

Sinh ngày 11-12-1940 tại Hà Nội (BV) trước kia chồng tôi đã phục vụ các cơ quan quân sự Hoa Kỳ, đơn trú tại Sài gòn từ năm 1962 đến 1968 các cơ quan như sau:

DEPARTMENT OF THE ARMY.

HEAD QUARTER ARE COMMAND.

HOUSING MANAGEMENT DIVISION.

SAU - FRANCISCO APO 96243 USA.

POSITION 1962 - 1966 DESK CLERK AT BRINK BOO HOTEL 101 Hai Bà Trưng STREET và MAC CATHY BOO HOTEL. Đến năm 1966 - 1968 làm MANAGER DESK CLERK vùng Phú Thọ (VN)

Tháng 5 - 1968 chồng tôi phải nhập ngũ vào quân đội Việt Nam công hòa tại KBC 3997 chức vụ trung sĩ.

20-10-1970 được đi du học tại Hoa Kỳ FORT ^{KNOX} KENTUCKY 402121 (SERVICE TRAINING USA)

Mẫu khoa 12-12-1970.

Ngày 23-3-1971 bị tử trận tại Campuchia.

Quồng Rệp của tôi nêu trên hoàn toàn đúng sự thật.

Nay tôi làm đơn này kính xin bà giúp đỡ và chấp thuận cho gia đình tôi được lập thủ tục ra đi trong trật tự theo chương trình O.D.P.

Gia đình tôi gồm 4 người:

- 1/ Ông Chi Nết, sinh ngày 20-5-1944 tại Gò Công.
- 2/ Nguyễn Đức Minh sinh ngày 16-7-1964 tại Sài Gòn (con trai)
- 3/ Nguyễn Tuyết Hằng sinh ngày 25-7-1965 tại Sài Gòn (con gái)
- 4/ Nguyễn Quốc Việt, sinh ngày 9-7-1967 tại Sài Gòn (con trai)

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của bà xin bà hồi báo cho chúng tôi được yên tâm. Hoàn thư gia chúng tôi xin cảm tạ bà.

Kính thư.


Ông Chi Nết

Đính kèm theo

1 bản hôn thư.

1 giấy khai tử.

TB: Chula bà: Khi trước ngày 20-10 chúng tôi có đính kèm theo:
01 giấy khai tử, 01 hôn thư.

Ghi chú:

- Từ tận 3/23/71 tại chiến trường Campuchia
ở thuộc thành phần tư nhân cải tạo.

Xếp !!

9/15/88

FROM: Trần Thị

số 502/476C đường Nguyễn
Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh

Việt nam

Please forward to
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0535

TO: MRB: Khúc Minh. Ông

DARLINGTON, VA 22204
22204 (USA)

BY AIR MAIL
PAR AVION

VIA AIR MAIL PAR AVION

Mallard Decoy

Folk Art USA 22

Sài gòn 20/10/1985.

chợ chít -
gửi ODP 59
12-25-85

KÍNH GỬI BÀ KHUÊ MINH THO.

Kính thưa bà,

Tôi đứng tên dưới đây là quả phụ, Trần Thị Xết
Sinh ngày 20 tháng 5 năm 1944 tại Gò Công (VN) Căn cước số 020483162
Cấp tại Chánh phủ Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 11 năm 1978 +
Hiện cư ngụ tại địa chỉ số 512/476 Đường Nguyễn Đình Chiểu Phường 5 Quận 3
Chánh phủ Hồ Chí Minh.

Trần Thị Xết đề nghị này kính trình bà 1 việc như sau:

Chúng tôi hiện hành được biết và đọc kỹ những những tập do quý cơ quan

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM thực hiện giúp đỡ với tư cách nhân đạo,
đối với những người Việt Nam hiện cư ở tại đất nước chúng tôi

Chúng tôi hiện hành tập những tập tên: NGUYỄN ĐỨC ĐÌNH sinh ngày 11
tháng 12 năm 1940 tại Hà Nội (BV) trước kia chúng tôi đã phục vụ cho các cơ
quan quân sự Hoa Kỳ thời trú tại Sài gòn

Từ năm 1962 đến 1968 các cơ quan như sau:

DEPARTMENT OF THE ARMY,

HEAD QUARTER ARE SOMMAND,

HOUSING MANAGEMENT DIVISION,

SAN FRANCISCO A.P.O 96243 U.S.A

POSITION 1962 - 1966 DESK CLERK AT BRINK BO. Q

HOTEL 101 Hai Bà Trưng STREET VÀ MACCATHY BO. Q HOTEL

Đến năm 1966 - 1968 làm MANAGER DERK CLERK vùng Phú Thọ (VN)

Tháng 5 - 1968 chúng tôi phải nhập ngũ vào quân đội Việt Nam Cộng Hòa
tại K.B.C 3407 chức vụ trung sĩ

Ngày 29 - 10 - 1970 được đi du học tại Hoa Kỳ FORT KNOX KENTUCKY 402121

(SERVICE TRAINING U.S.A) mãn khóa ngày 12/12/1970.

Ngày 23 tháng 3 năm 1971 bị tù giam tại Cam-pu-chia

Chúng tôi hiện hành hoàn toàn đứng xử thật

Nay tôi làm đơn này kính xin Bà giúp đỡ mà chấp thuận
cho gia đình tôi được lập thủ tục ra đi trong thật tự theo chương trình

(O.D.P)

GIA ĐÌNH TÔI GỒM CÓ 4 NGƯỜI.

LIÊN HỆ GIA ĐÌNH

1. Trần Thị Nết sinh ngày 20-5-1944 tại Hồ Chí Minh
2. Nguyễn Đức Minh sinh ngày 16-7-1964 tại Sài Gòn (em trai)
3. Nguyễn Tuyết Hằng sinh ngày 25-7-1966 tại Sài Gòn (em gái)
4. Nguyễn Quốc Việt sinh ngày 9-7-1967 tại Sài Gòn (em trai)

Trong khi chờ đợi sự chờ đợi chấp thuận Bà xin Bà hỗ trợ cho chúng tôi được yên tâm.

Trân trọng gia đình chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bà.

Kính thư?

NL
Trần Thị Nết

Đính kèm theo

1 bản thân thư.

1 giấy khai tử?

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BÌNH HOÀ

HỒ SƠ QUÂN-ĐỘI

XÃ BÌNH AN

BẢN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-TỬ

/ 12.09 / T

Năm 1971

Số hiệu : 1120

Người chết : (Tên, họ)	NGUYỄN DUC PHUNG
Nghề-nghiep :	QUAN NHAN
Cư-trú tại :	KBC 3997
Sanh ngày :	11-12-1940
Tại :	HA NOI
Chưa có đôi bạn hay góa bạn kê tên, họ người bạn nếu có :	TRAN THI BIEP
Người bạn làm nghề gì :	NUI TRU
Cha (tên, họ) :	NGUYEN VAN TUONG
Mẹ (tên, họ) :	PHAM THI TUAT
Chết ngày :	28-03-1971
Chết tại :	BINH AN
Người khai (tên, họ) :	NGUYEN PHI HUNG
Người khai mấy tuổi :	1943
Nghề-nghiep :	QUAN NHAN
Cư trú tại :	KBC 4911

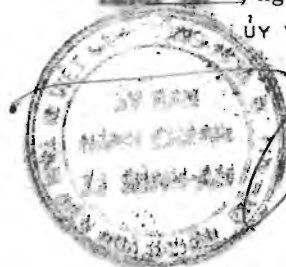
Chúng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch
kiêm Ủy viên Hộ-tịch Xã

Trích y bốn chính :

, ngày tháng năm 196

BÌNH AN, ngày 01 tháng 4 năm 1961

ỦY VIÊN HỘ-TỊCH



[Handwritten signature]

LÊ-VĂN-THÀNH

06.08.1961 AP.O.138

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM SAIGON
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{re} INSTANCE DE SAIGON)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN-THÚ NĂM

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

LÀNG

du village de

Linh An Thôn

TỈNH

Province de

Giadinh

NĂM

(Année)

1968

SỐ HIỆU

(Acte No)

747

(BỤC

(dégré)

(NAM-PHẦN)

(Sud Việt-Nam)

Tên, họ người chồng	
Nom et prénom de l'époux	
Sanh tại chỗ nào	NGUYỄN ĐỨC PHÙNG
Lieu de la naissance	Hà Nội
Sanh ngày nào	11.12.1940
Date de la naissance	
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)	
Nom et prénom du père de l'époux	
(indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn Văn Tường (s)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	
Nom et prénom de sa mère (indiquer	
si elle est vivante ou décédée)	Phạm Thị Huệ (s)
Tên, họ người vợ	
Nom et prénom de l'épouse	Trần Thị Huệ
Vợ chánh hay vợ thứ	
Son rang de femme mariée	//
Sanh tại chỗ nào	
Lieu de la naissance	Tung Hoa (Sông Công)
Sanh ngày nào	20.7.1944
Date de la naissance	
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	
Nom et prénom du père de l'épouse	
(indiquer s'il est vivant ou décédé)	Trần Văn Hòa (s)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)	
Nom et prénom de sa mère (indiquer	
si elle est vivante ou décédée)	Nguyễn Thị Bô (s)
Ngày kết hôn	19.12.1968
Date de mariage	

Chúng tôi

Nous

được Chánh-án Tòa Saigon u.n.

Président du Tribunal

chứng cho hợp pháp chữ ký của

Certifions l'authenticité de la signature de

ông

M.

Chánh Lục-sự Tòa-án Sơ tại

Greffier en chef dudit tribunal

Saigon, ngày

197

T.U.N. CHÁNH-ÁN

(LE PRÉSIDENT)

NAM-PHẦN

Trích y bản chánh,

(Pour extrait conforme),

Saigon, ngày

197



TRẦN THỊ CANH

BANG.6

Giá tiền : 7500

(Cost)

Biên-lai số

767/

(Quittance No)

FROM: *Trần Chí Nết*

số 502/476C

Quảng: Nguyễn Đình Chiêu

Thường: 5, Quận 3

*Chánh phủ Tổ Chức Minh
Việt Nam.*



VIET-NAM

EVN 018

10g

*Par Avion
Moy 500*

TO: MRS: *Khúc Minh Thọ*



KHU 55 231225C1 11/12/85
NOTIFY SENDER OF NEW ADDRESS
KHUC MINH THO
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

ARLINGTON
U.S.A.



Sài gòn: ngày 15 / 2 / 1986

hà Lot 20

4-11-86

KÍNH GỬI: BÀ KHUẾ MINH THƠ.

Kính thưa bà:

Tôi đứng tên dưới đây là quá phụ: Trần Chiết
sinh ngày 20 tháng 5 năm 1944 tại Gò Công (VN)
Căn cước số' 021483162 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh
ngày 21 tháng 11 năm 1978

Hiện cư ngụ tại địa chỉ số' 502/476^c đường Nguyễn Đình
Chiểu, Phường 5 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

Trần Trọng đề đơn này trình trình bà một việc
như sau: Chúng tôi hân hạnh được biết và đọc kỹ
những trường hợp do quý cơ quan ORERLY DEPARTURE
PROGRAM thực hiện giúp đỡ với tư cách nhân đạo
đối với những người Việt Nam còn ở lại đất nước chúng
tôi. Thưa bà Trưởng hợp chúng tôi tên: Nguyễn Du
Phùng sinh ngày 11.12.1940 tại Hà Nội (BV) trước
kia chúng tôi đã phục vụ cho các cơ quan quân sự
Hoa Kỳ đồn trú tại Sài gòn từ năm 1962 đến 1968
các cơ quan như sau:

. DEPARTMENT OF THE ARMY.

. HEAD QUARTER ARE COMMAND.

. HOUSING MANAGEMENT DIVISION.

. SAN FRANCISCO APO 96243 USA

Position 1962 - 1966 Desk clerk at Brink PMA

Hotel 101 Hai Bà Trưng Street và MARCATHY D.O. & HOTEL

Đến năm 1966 - 1968 làm Manager Desk Clerk

vùng Phú Thọ Hoa (VN).

Tháng 5 - 1 - 1968 chúng tôi phải nhập ngũ vào quân đội Việt Nam công tĩa tại KBC 3997 chức vụ Trung Sĩ.

Ngày 29. 10. 1970 được đi du học tại Hoa Kỳ.

FORT KNOX KEN TUCKY 402121 (Service training U.S.A)

Ngày 23. 3. 1971 bị tù^o tại Campuchia

Trường hợp của tôi nêu trên hoàn toàn đúng sự thật nay tôi làm đơn này kính xin bà giúp đỡ và chấp thuận cho gia đình tôi được lập thủ tục ra đi trong vòng trật tự theo chương trình O.D.P.

Gia đình tôi gồm có bốn người:

Liên hệ gia đình

- 1) Trần Thị Nết, sinh ngày 20. 5. 1944 tại Gò Công
- 2) Nguyễn Đức Minh sinh ngày 16. 7. 1964 tại Sài Gòn (Con trai)
- 3) Nguyễn Tuyết Hằng sinh ngày 25. 7. 1966 tại Sài Gòn (Con gái)
- 4) Nguyễn Quốc Việt sinh ngày 9. 7. 1967 tại Sài Gòn (Con trai)

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của bà xin bà hồi âm cho chúng tôi được yên tâm bên thê^o gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ bà.

TB:

Hai thư^o trước tôi có đính kèm 1 bản hôn thú 1 giấy khai tử^o vẫn chưa được bà hồi âm.

Kính thư



Trần Thị Nết

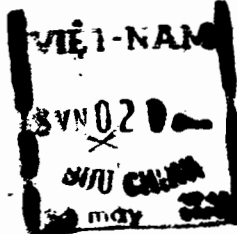
NG: TRẦN TUL NÉT

Số: 502/476^e

Dj: Ng Đình châu

F: 5 6 1 3

Thành phố HCM.



Kính gửi bà: KLIUC MINH THO

F.V.N BP A

P.O - BOX 5435

ARLINGTON.V.A 22205

U.S.A





S/S 8624868

United States Department of State

Washington, D.C. 20520

August 11, 1986

UNCLASSIFIED

Senior Interagency Group No. 61

TO	:	OVP	- Mr. Donald P. Gregg
		NSC	- Mr. Rodney McDaniel
		AID	- Mr. Richard Meyer
		CIA	- Mr. John Rixse
		Defense	- COL James Lemon
	✓	HHS	- Mr. David Hohman
		Justice	- Mr. John Richardson
		Labor	- Mr. Robert Searby
		OMB	- Mr. L. Wayne Army

SUBJECT: Discussion Paper for SIG on Proposed Refugee Admissions for FY 1987

As per my memorandum of August 7, 1986, there is attached a discussion paper for the SIG meeting to develop proposed refugee admissions levels for FY 1987 as the basis for consultations with the Senate and House Judiciary Committees. The meeting will take place at 11:00 a.m. on August 15, 1986, in the Operations Center Conference Room (Room 7516) at the Department of State.

Nicholas W. Platt
Nicholas Platt
Executive Secretary

Enclosure: Discussion Paper

UNCLASSIFIED

SENIOR INTERAGENCY GROUP
ON PROPOSED REFUGEE ADMISSIONS FOR FY 1987
August 15, 1986

Discussion Paper

ISSUE FOR DECISION

What level of refugee admissions should the Executive Branch propose for FY 1987 during consultations with the Congress?

DISCUSSION

Under law, the President must determine by the beginning of each fiscal year the number of refugees to be admitted to the United States in that fiscal year. Prior to this final determination, consultations on the proposed level must be completed with the Senate and House Judiciary Committees.

The Department of State recommends to the SIG a worldwide ceiling for refugee admissions in FY 1987 of 65,500. This is 2,500 admissions above those reflected in the FY 1987 budget; however, the Department believes through certain cost-saving measures this increase can be handled within the \$347.5 million request. This proposal is 1,500 below the worldwide ceiling for the current year and a decrease of 4,500 from the number of refugee admissions the President initially recommended to the Congress for FY 1986 during the consultation process last September. Within that overall ceiling, the Department of State proposes the following regional distribution of admissions:

East Asia/First Asylum	30,000
East Asia/ODP	10,000
Eastern Europe/USSR	10,000
Near East and South Asia	8,000
Latin America and the Caribbean	4,000
Africa	3,500
Total	65,500

Attached, for background, is a table listing overall and regional ceilings and actual admissions for fiscal years 1981 through 1986 (estimated admissions only for FY 1986).

The following are comments relative to the specific regional sub-ceilings given above:

East Asia/First Asylum. The proposed first asylum ceiling of 30,000 is a reduction of 7,000 from the estimated 37,000 U.S. admissions in FY 1986. The Department of State considers that this ceiling is generous enough to allow for the admission of those Indochinese refugees who meet the criteria of the U.S. refugee admissions program and are of special humanitarian concern to the U.S., while also providing a cushion for our participation in a hoped for international effort to work off the long-staying population in line with the thrust of the report of the Secretary's Indochinese Refugee Panel. The Department of State considers that such a ceiling will serve as a continuing assurance to countries of first asylum that the United States will sustain its refugee resettlement efforts. The Department does not propose inauguration of refugee processing of the Cambodian border population. However, the admission of several hundred very deserving cases from the border population as immigrants or beneficiaries of humanitarian parole is expected.

East Asia/ODP. The ODP ceiling of 10,000 is an increase of 1,500 over the FY 1986 ceiling. The Department of State considers that approval of this number is necessary both to send a strong political signal to the Vietnamese of the importance the U.S. places on the program as a viable alternative to dangerous clandestine departures and to provide for the continuing movement of priority refugees -- Amerasians, "re-education" camp political prisoners and their families, and former USG employees. The figure excludes ODP immigrant visa admissions which are not subject to refugee admission ceilings.

Eastern Europe and the Soviet Union. The proposed ceiling of 10,000 is 500 more than the 1986 ceiling, reflecting primarily an increase in the number of Soviet Union refugees seeking admission to the U.S. and a growing number of Visas 93 cases (spouses and children of persons who have entered the U.S. as refugees).

Near East and South Asia. The proposed ceiling of 8,000 is a substantial increase from the FY 1986 ceiling of 6,000. Despite our restrictive criteria for admission of refugees from this part of the world, it is anticipated that by the end of FY 1986 there will be a backlog of about 5,800 (2,760 Afghans and 3,040 Iranians) who will either have already been approved by INS and awaiting admission or will be awaiting INS interviews. Iranian Baha'is and Jews now in Pakistan and Western Europe, respectively, rank foremost among those persecuted for religious convictions and are of special humanitarian interest, and a continuing opportunity for resettlement must be afforded to a relatively few Afghan refugees for whom resettlement in place is not viable and for whom there are no other alternatives.

Latin America and the Caribbean. The proposed ceiling of 4,000 is 1,000 above the FY 1986 ceiling of 3,000. The Department of State considers that this ceiling is realistic and necessary. Within the ceiling, 3,000 admissions would be allocated for Cubans, to be available should Cuba lift its unilateral suspension of the provisions of the Migration Agreement of 1984, but only if the Migration Agreement is restored. If the Agreement is not restored in FY 1987, the numbers available for Cuba should be progressively reduced down to 1,000. Recent developments indicate a need to revise our guidelines with respect to processing refugees from Latin America, and the proposed ceiling includes 1,000 additional admissions to be allocated to non-Cuban refugees in Latin America for whom resettlement is the only reasonable alternative.

Africa. The proposed ceiling of 3,500 is 500 above the ceiling for FY 1986. The Department of State considers this augmentation necessary in order to permit resumption of limited processing in the Sudan, to provide for an expansion of processing elsewhere on the continent, and to initiate processing of a limited and carefully defined number of the African populations currently in first asylum in Europe and in countries which will not afford them permanent resettlement.

Enclosure: Statistical table.

ADMISSIONS/GENERAL

REFUGEE ADMISSIONS CEILINGS AND ACTUAL ARRIVALS

<u>Geographic Area</u>	<u>FY 1981</u>		<u>FY 1982</u>		<u>FY 1983</u>		<u>FY 1984</u>	
	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Actual Admissions</u>	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Actual Admissions</u>	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Actual Admissions</u>	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Actual Admissions</u>
Africa	3,000	2,119	3,500	3,356	3,000	2,648	2,750	2,747
East Asia	165,600	131,139	96,000	73,522	64,000	39,408	52,000	51,960
Eastern Europe *	6,900	6,704	11,000	10,780	15,000	13,492	11,000	11,000
Soviet Union *	33,000	13,444	20,000	2,756				
Latin America	4,000	2,017	3,000	579	2,000	668	1,000	160
Near East/ South Asia	4,500	3,829	6,500	6,304	6,000	5,465	5,250	5,246
TOTALS	217,000	159,252	140,000	97,297	90,000	61,681	72,000	71,113

	<u>FY 1985</u>		<u>FY 1986</u>		<u>FY 1987</u>	
	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Actual Admissions</u>	<u>Authorized Ceiling</u>	<u>Estimated ** Admissions</u>	<u>Proposed Admissions Ceiling</u>	<u>Admissions</u>
Africa	3,000	1,953	3,000	1,700	3,500	
East Asia/ First Asylum ***	40,000	41,972	37,000	37,000	30,000	
East Asia/ODP ***	10,000	7,998	8,500	8,500	10,000	
Eastern Europe	10,000	9,990	9,500	9,500	10,000	
Latin America	3,000	138	3,000	50	4,000	
Near East/ South Asia	6,000	5,994	6,000	6,000	8,000	
TOTALS	70,000	68,045	67,000	62,750	65,500	

* Beginning in FY 1983, there is a combined ceiling for Eastern European and Soviet Union refugees.

** Because of the FY 1986 Gramm-Rudman budget reductions, the number of budgeted admissions was reduced from 67,000 to 63,000.

*** Prior to FY 1985, the East Asia/First Asylum and the East Asia/ODP programs were combined.

September 1988